



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG COTEC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 / 2012

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: <i>14672</i>
	Giờ: <i>Ngày 25 tháng 04 năm 12</i>

Tháng 04/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

QUÝ 1 NĂM 2012

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	Số cuối quý 31/03/2012	Số đầu năm 01/01/2012
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn	100		2,334,476,162,966	1,786,937,269,122
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	797,166,124,520	251,978,411,295
1. Tiền	111		533,091,124,520	1,548,411,295
2. Các khoản tương đương tiền	112		264,075,000,000	250,430,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	5,093,785,000	4,900,450,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7,616,192,450	7,616,192,450
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(2,522,407,450)	(2,715,742,450)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,247,106,329,879	1,146,444,341,290
1. Phải thu khách hàng	131	6	1,188,729,563,739	1,124,378,275,130
2. Trả trước cho người bán	132		72,598,439,131	36,348,491,775
3. Các khoản phải thu khác	135	7	15,185,377,762	15,124,625,138
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(29,407,050,753)	(29,407,050,753)
IV. Hàng tồn kho	140	8	265,051,919,983	365,171,565,093
1. Hàng tồn kho	141		265,051,919,983	365,171,565,093
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20,058,003,584	18,442,501,444
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,381,766,000	927,073,604
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	18,676,237,584	17,515,427,840
B. Tài sản dài hạn	200		651,038,390,465	672,700,102,914
II. Tài sản cố định	220		249,486,723,608	258,012,263,037
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	158,553,604,797	166,753,187,696
- Nguyên giá	222		261,586,369,396	260,917,726,271
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(103,032,764,599)	(94,164,538,575)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	89,157,356,936	89,487,685,283
- Nguyên giá	228		92,260,160,590	92,260,160,590
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3,102,803,654)	(2,772,475,307)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	1,775,761,875	1,771,390,058
III. Bất động sản đầu tư	240	13	98,865,850,435	99,725,553,481
- Nguyên giá	241		103,164,365,665	103,164,365,665
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(4,298,515,230)	(3,438,812,184)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	116,334,313,409	116,334,313,409
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		110,544,500,000	110,544,500,000

2. Đầu tư dài hạn khác	258		30,202,000,000	30,202,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(24,412,186,591)	(24,412,186,591)
V. Tài sản dài hạn khác	260		186,351,503,013	198,627,972,987
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	184,479,808,039	196,340,204,129
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	25.2	1,826,694,974	2,242,768,858
3. Tài sản dài hạn khác	268		45,000,000	45,000,000
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		2,985,514,553,431	2,459,637,372,036
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		1,499,280,082,854	1,022,086,984,716
I. Nợ ngắn hạn	310		1,491,947,697,448	1,014,828,864,815
1. Phải trả người bán	312	16	235,171,215,136	361,690,845,808
2. Người mua trả tiền trước	313		39,739,778,059	95,770,303,738
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	17	56,731,571,612	61,343,815,664
4. Chi phí phải trả	316	18	467,210,580,739	340,298,260,443
5. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	19	556,861,085,383	43,766,025,693
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		3,199,522,120	3,084,951,914
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		25,480,400,007	26,125,600,007
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	20	107,553,544,392	82,749,061,548
II. Nợ dài hạn	330		7,332,385,406	7,258,119,901
1. Phải trả dài hạn khác	333		3,852,045,021	3,777,779,516
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		3,480,340,385	3,480,340,385
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		1,486,234,470,577	1,437,550,387,320
I. Vốn chủ sở hữu	410	21.1	1,486,234,470,577	1,437,550,387,320
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		317,700,000,000	317,700,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		456,900,000,000	456,900,000,000
3. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(1,741,460,000)	(1,741,460,000)
4. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416		-	(201,967,112)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		297,041,491,648	297,041,491,648
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		45,531,529,169	45,531,529,169
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		370,802,909,760	322,320,793,615
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		2,985,514,553,431	2,459,637,372,036

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Hồng Hạnh

Hà Tiểu Anh



Tổng Giám Đốc
KTS. Nguyễn Bá Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ 1 NĂM 2012

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22.1	960,964,584,037	862,831,325,339	960,964,584,037	862,831,325,339
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22.1	960,964,584,037	862,831,325,339	960,964,584,037	862,831,325,339
4. Giá vốn hàng bán	11		883,050,725,657	795,085,130,511	883,050,725,657	795,085,130,511
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		77,913,858,380	67,746,194,828	77,913,858,380	67,746,194,828
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22.2	6,761,779,336	23,297,676,735	6,761,779,336	23,297,676,735
7. Chi phí tài chính	22	23	(193,335,000)	4,022,860,542	(193,335,000)	4,022,860,542
- Trong đó chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20,014,469,788	25,596,396,343	20,014,469,788	25,596,396,343
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		64,854,502,928	61,424,614,678	64,854,502,928	61,424,614,678
10. Thu nhập khác	31	24	129,696,239	2,735,375,302	129,696,239	2,735,375,302
11. Chi phí khác	32	24	-	2,256,264,000	-	2,256,264,000
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	24	129,696,239	479,111,302	129,696,239	479,111,302
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		64,984,199,167	61,903,725,980	64,984,199,167	61,903,725,980
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25.1	16,086,009,138	15,697,692,935	16,086,009,138	15,697,692,935
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25.2	416,073,884	850,687,474	416,073,884	850,687,474
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		48,482,116,145	45,355,345,571	48,482,116,145	45,355,345,571

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vu Thị Hồng Hạnh
Vu Thị Hồng Hạnh

Hà Tiểu Anh
Hà Tiểu Anh



KTS. Nguyễn Bá Dương
Tổng Giám Đốc
KTS. Nguyễn Bá Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ 1 NĂM 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64,984,199,167	61,903,725,980
2. Điều chỉnh cho các khoản				
-Khấu hao TSCĐ	02	10,11	10,058,257,417	8,484,122,329
-Các khoản dự phòng	03		(193,335,000)	78,557,500
-Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6,761,779,336)	(23,297,472,194)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	10		68,087,342,248	47,168,933,615
-Tăng, giảm các khoản phải thu	11		(97,901,160,328)	(40,733,795,392)
-Tăng, giảm hàng tồn kho	12		100,119,645,110	158,985,060,680
-Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	13		483,250,866,101	(144,300,109,206)
-Tăng, giảm chi phí trả trước	14		11,405,703,694	(20,664,041,740)
-Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	25	(21,214,852,770)	(14,843,645,040)
-Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	17		18,439,678,130	
-Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18		(23,096,788,914)	7,997,101,150
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		539,090,433,271	(6,390,495,933)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(673,014,942)	(4,268,936,002)
4. Tiền thu cho vay	24		-	16,406,747,899
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27		6,781,504,280	23,297,472,194
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6,108,489,338	35,435,284,091
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		545,198,922,609	29,044,788,158
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	251,978,411,295	289,879,887,675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(11,209,384)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	4	797,166,124,520	318,924,675,833

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vũ Thị Hồng Hạnh



Hà Tiểu Anh



Tổng Giám Đốc

KTS. Nguyễn Bá Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012
vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xây dựng Cotec ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 24 tháng 8 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
4103002611 (điều chỉnh lần 1)	ngày 10 tháng 1 năm 2005
4103002611 (điều chỉnh lần 2)	ngày 24 tháng 8 năm 2006
4103002611 (điều chỉnh lần 3)	ngày 24 tháng 10 năm 2006
4103002611 (điều chỉnh lần 4)	ngày 5 tháng 6 năm 2007
4103002611 (điều chỉnh lần 5)	ngày 20 tháng 8 năm 2007
4103002611 (điều chỉnh lần 6)	ngày 5 tháng 1 năm 2008
4103002611 (điều chỉnh lần 7)	ngày 22 tháng 5 năm 2009
0303443233 (điều chỉnh lần 8)	ngày 7 tháng 9 năm 2009
0303443233 (điều chỉnh lần 9)	ngày 23 tháng 8 năm 2010
0303443233 (điều chỉnh lần 10)	ngày 10 tháng 9 năm 2010

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt thiết bị và trang trí nội thất.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 236/6 đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 là 619 người.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012
vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

3.2 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--------------------------------------|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chi phí sản xuất chung có liên quan. |

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả kinh doanh.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012
vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 30 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 8 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Phần mềm kế toán	3 năm
Quyền sử dụng đất	49 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Tòa nhà văn phòng	30 năm
-------------------	--------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012
vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Bất động sản đầu tư (tiếp theo)*

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí công cụ dụng cụ sử dụng cho các công trình xây dựng được phân bổ từ 3 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.10 *Đầu tư ngắn hạn*

Các khoản đầu tư ngắn hạn được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng (nếu có). Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư khi giá gốc cao hơn giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3.11 *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.12 *Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc năm kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012
vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Trích lập trợ cấp thôi việc

Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc niên độ. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.15 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận các khoản dự phòng khi có một nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán từ năm tài chính 2009.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp các khoản chênh lệch này được vốn hóa như được trình bày trong đoạn dưới đây.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản tài sản, công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ vào ngày lập bảng cân đối kế toán được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được hoàn nhập trong năm tiếp theo.

Hướng dẫn nói trên về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo Thông tư 201 khác biệt so với quy định trong CMTKVN số 10 - *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái* ("CMKTVN 10") như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012
vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Nghiệp vụ

Xử lý kế toán theo

CMKTVN 10

Thông tư 201

Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được hoàn nhập trong năm tiếp theo.

Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.

Tuy nhiên, ảnh hưởng trên báo cáo tài chính của Công ty nếu áp dụng CMKTVN 10 là không đáng kể xét trên khía cạnh tổng thể.

3.17 Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (trước khi trích lập các quỹ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012
vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư theo đề xuất của Hội đồng Quản trị được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được hạch toán như một khoản nợ phải trả.

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ khi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012

vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn tài chính hiện hành và các giai đoạn tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012

vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3.22 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, và các khoản tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012
vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	116.552.022	12.144.466
Tiền gửi ngân hàng	532.974.572.498	1.536.266.829
Tương đương tiền	264.075.000.000	250.430.000.000
TỔNG CỘNG	797.166.124.520	251.978.411.295

Các khoản tương đương tiền thể hiện là khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn dưới ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VNĐ			
	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Giá trị	Số cổ phiếu	Giá trị
Đầu tư vào các công ty niêm yết				
Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	20.950	2.051.942.650	20.950	2.051.942.650
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	10.550	637.871.300	10.550	637.871.300
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	45.000	2.542.808.500	45.000	2.542.808.500
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	60.000	2.383.570.000	60.000	2.383.570.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn		(2.522.407.450)		(2.715.742.450)
TỔNG CỘNG	136.500	5.093.785.000	136.500	4.900.450.000

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Số cuối quý	Số đầu năm
Bên thứ ba	1.061.368.089.613	1.024.023.032.627
Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	127.361.474.126	100.355.242.503
TỔNG CỘNG	1.188.729.563.739	1.124.378.275.130
Dự phòng phải thu khó đòi	(29.407.050.753)	(29.407.050.753)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012
vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối quý	Số đầu năm
Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	11.957.879.495	11.957.879.495
Tiền lãi phải thu	3.120.024.008	3.139.947.952
Phải thu khác	107.474.259	26.797.691
TỔNG CỘNG	15.185.377.762	15.124.625.138

8. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	265.051.919.983	365.171.565.093
TỔNG CỘNG	265.051.919.983	365.171.565.093

Chi tiết chi phí các công trình xây dựng dở dang được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối quý	Số đầu năm
Cao ốc Tricon	69.412.775.653	68.147.769.259
Mandarin	21.849.928.129	48.237.918.270
Everich II	27.114.137.147	33.825.818.982
Cao ốc Kenton	12.996.079.694	34.464.334.970
Khu dân cư cao cấp Đảo Kim Cương	39.463.784.210	33.181.292.296
Dielac	6.425.473.115	25.751.542.940
Tòa nhà Eurowindow	30.758.874.669	20.060.486.394
Cao ốc 381 Bến Chương Dương	10.890.855.979	19.882.935.312
Viglacera	10.453.845.497	19.635.764.552
Tòa nhà Ngân hàng Nam Á	15.437.426.498	15.247.683.375
Chung cư cao cấp Starcity	4.962.666.493	14.869.609.392
Thanh Đa views	3.319.802.508	11.548.703.343
Cao ốc Lim Tower	1.969.755.013	3.065.296.867
Các công trình khác	9.996.515.378	17.252.409.141
TỔNG CỘNG	265.051.919.983	365.171.565.093

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối quý	Số đầu năm
Ký quỹ	9.615.928.921	5.414.207.973
Tạm ứng cho đội thi công và công nhân viên	9.060.308.663	12.101.219.867
TỔNG CỘNG	18.676.237.584	17.515.427.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012
vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	70.225.079.763	161.612.359.531	18.271.081.343	10.706.594.654	102.610.980	260.917.726.271
Mua mới	-	229.069.091	127.272.727	30.260.205	-	386.602.023
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	282.041.102	-	-	-	-	282.041.102
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Số cuối quý	70.507.120.865	161.841.428.622	18.398.354.070	10.736.854.859	102.610.980	261.586.369.396
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(7.238.066.848)	(76.150.277.850)	(5.698.414.891)	(5.045.713.036)	(32.065.950)	(94.164.538.575)
Khấu hao trong quý	(1.116.486.228)	(6.367.299.918)	(620.400.753)	(757.625.935)	(6.413.190)	(8.868.226.024)
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Số cuối quý	(8.354.553.076)	(82.517.577.768)	(6.318.815.644)	(5.803.338.971)	(38.479.140)	(103.032.764.599)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	62.987.012.915	85.462.081.681	12.572.666.452	5.660.881.618	70.545.030	166.753.187.696
Số cuối quý	62.152.567.789	79.323.850.854	12.079.538.426	4.933.515.888	64.131.840	158.553.604.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012

vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ			
	<i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Phần mềm kế toán</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	89.367.812.334	2.417.568.469	474.779.787	92.260.160.590
Mua mới	-	-	-	-
Số cuối quý	89.367.812.334	2.417.568.469	474.779.787	92.260.160.590
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	(1.437.209.499)	(1.052.724.778)	(282.541.030)	(2.772.475.307)
Khấu trừ trong quý	(129.482.124)	(163.781.241)	(37.064.982)	(330.328.347)
Số cuối quý	(1.566.691.623)	(1.216.506.019)	(319.606.012)	(3.102.803.654)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	87.930.602.835	1.364.843.691	192.238.757	89.487.685.283
Số cuối quý	87.801.120.711	1.201.062.450	155.173.775	89.157.356.936

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất không có thời hạn của các lô đất tọa lạc tại số 109/8A, 236/2 và 236/6 đường Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 64.622.555.400 VNĐ và do vậy không được khấu trừ.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhà kho	1.775.761.875	1.771.390.058
TỔNG CỘNG	1.775.761.875	1.771.390.058

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VNĐ
	<i>Tòa nhà văn phòng</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối quý	103.164.365.665
Giá trị khấu hao lũy kế	
Số đầu năm	(3.438.812.184)
Khấu hao trong quý	(859.703.046)
Số cuối quý	(4.298.515.230)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	99.725.553.481
Số cuối quý	98.865.850.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012

vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 03 năm 2012. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối quý	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	110.544.500.000	110.544.500.000
Đầu tư dài hạn khác	30.202.000.000	30.202.000.000
Đầu tư cổ phiếu	25.202.000.000	25.202.000.000
Khác	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(24.412.186.591)	(24.412.186.591)
Các công ty liên kết	(912.186.591)	(912.186.591)
Đầu tư cổ phiếu	(23.500.000.000)	(23.500.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	116.334.313.409	116.334.313.409

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư thực tế của Công ty vào các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 như sau:

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Uy Nam	31	22.242.500.000	31	22.242.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Hưng Gia	20,16	20.160.000.000	20,16	20.160.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quảng Trọng	36	18.000.000.000	36	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Phú Gia An	39	44.142.000.000	39	44.142.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Triệu Hưng Gia	30	6.000.000.000	30	6.000.000.000
TỔNG CỘNG		110.544.500.000		110.544.500.000

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Uy Nam ("Uy Nam") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2006. Hoạt động chính của Uy Nam là cung cấp dịch vụ xây dựng dân dụng và công nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012

vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Hưng Gia ("Phú Hưng Gia") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002810 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 10 năm 2005. Hoạt động chính của Phú Hưng Gia là cung cấp dịch vụ xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quảng Trọng ("Quảng Trọng") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 49030000474 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007. Hoạt động chính của Quảng Trọng là mua bán nguyên liệu, thiết bị ngành dầu khí.

Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Phú Gia An ("Phú Gia An") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006924 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2007. Hoạt động chính của Phú Gia An là cung cấp dịch vụ xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Triệu Hưng Gia ("Triệu Hưng Gia") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009051 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 1 năm 2008. Hoạt động chính của Triệu Hưng Gia là cung cấp dịch vụ xây dựng dân dụng và công nghiệp, kinh doanh bất động sản và quản lý dự án.

14.2 Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Giá trị (VNĐ)	Số cổ phiếu	Giá trị (VNĐ)
<i>Đầu tư vào Công ty cổ phần</i>				
Công ty CP Đầu tư I.P.A	500.000	25.000.000.000	500.000	25.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 5	20.000	202.000.000	20.000	202.000.000
<i>Cho vay</i>				
Công ty Cổ phần Vitaly		5.000.000.000		5.000.000.000
TỔNG CỘNG		30.202.000.000		30.202.000.000

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối quý	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ phục vụ cho xây dựng	183.100.641.481	194.708.907.448
Khác	1.379.166.558	1.631.296.681
TỔNG CỘNG	184.479.808.039	196.340.204.129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012

vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số cuối quý	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 26)	11.628.894.562	38.194.138.386
Bên thứ ba	223.542.320.574	323.496.707.422
TỔNG CỘNG	235.171.215.136	361.690.845.808

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	39.411.074.842	26.394.119.624
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25)	16.086.009.138	21.214.852.770
Thuế thu nhập cá nhân	1.200.027.536	13.734.843.270
Các loại thuế khác	34.460.096	-
TỔNG CỘNG	56.731.571.612	61.343.815.664

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí các công trình xây dựng	467.084.364.739	340.172.044.443
Khác	126.216.000	126.216.000
TỔNG CỘNG	467.210.580.739	340.298.260.443

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả các đội xây dựng	35.176.043.968	43.493.192.359
Tiền nhận trước từ Cổ đông chiến lược chờ làm thủ tục tăng vốn điều lệ	521.500.000.000	-
Phải trả khác	185.041.415	272.833.334
TỔNG CỘNG	556.861.085.383	43.766.025.693

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền đã xuất hóa đơn cho khách hàng nhưng chưa cung cấp dịch vụ xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012
vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VNĐ							
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá	Tổng cộng
Quý 1 năm 2011								
Số đầu năm	307.500.000.000	446.700.000.000	(1.560.000)	200.910.643.252	33.515.173.120	280.186.451.808	(224.177.657)	1.268.586.530.523
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong quý	-	-	-	-	-	45.355.345.571	-	45.355.345.571
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	224.177.657	224.177.657
Số cuối quý	307.500.000.000	446.700.000.000	(1.560.000)	200.910.643.252	33.515.173.120	325.541.797.379	-	1.314.166.053.751
Quý 1 năm 2012								
Số đầu năm	317.700.000.000	456.900.000.000	(1.741.460.000)	297.041.491.648	45.531.529.169	322.320.793.615	(201.967.112)	1.437.550.387.320
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong quý	-	-	-	-	-	48.482.116.145	-	48.482.116.145
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	201.967.112	201.967.112
Số cuối quý	317.700.000.000	456.900.000.000	(1.741.460.000)	297.041.491.648	45.531.529.169	370.802.909.760	-	1.486.234.470.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012
vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Quý 1 năm 2012	Quý 1 năm 2011
Vốn cổ phần		
Vốn đầu năm	317.700.000.000	307.500.000.000
Vốn tăng trong quý	-	-
Vốn cuối quý	<u>317.700.000.000</u>	<u>307.500.000.000</u>
Cổ tức	-	-

21.3 Cổ phiếu

	Quý 1 năm 2012	Quý 1 năm 2011
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	31.770.000	30.750.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	31.770.000	30.750.000
Cổ phiếu thường	31.770.000	30.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu ngân quỹ	(66.656)	(156)
Cổ phiếu thường	(66.656)	(156)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.703.344	30.749.844
Cổ phiếu thường	31.703.344	30.749.844
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	Quý 1 năm 2012	Quý 1 năm 2011
Doanh thu hoạt động xây dựng	948.792.918.108	856.851.703.182
Doanh thu cho thuê thiết bị xây dựng	6.421.675.527	3.320.599.001
Doanh thu cho thuê văn phòng	5.749.990.402	2.659.023.156
TỔNG CỘNG	<u>960.964.584.037</u>	<u>862.831.325.339</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012

vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Quý 1 năm 2012	Quý 1 năm 2011
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.761.779.336	5.840.119.861
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	-	14.400.000.000
Lãi cho vay	-	3.033.352.333
Cổ tức được chia	-	24.000.000
Khác	-	204.541
TỔNG CỘNG	6.761.779.336	23.297.676.735

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Quý 1 năm 2012	Quý 1 năm 2011
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(193.335.000)	78.557.500
Hoàn trả cổ tức cho Phú Hưng Gia	-	3.944.303.042
TỔNG CỘNG	(193.335.000)	4.022.860.542

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Quý 1 năm 2012	Quý 1 năm 2011
Thu nhập khác	129.696.239	2.735.375.302
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	67.680.873
Khác	129.696.239	2.667.694.429
Chi phí khác	-	2.256.264.000
Khác	-	2.256.264.000
GIÁ TRỊ THUẦN	129.696.239	479.111.302

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 25% thu nhập chịu thuế.

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012

vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

25.1 Thuế TNDN hiện hành (Tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lợi nhuận chịu thuế.

	VNĐ	
	Quý 1 năm 2012	Quý 1 năm 2011
Lợi nhuận trước thuế	64.984.199.167	61.903.725.980
<i>Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán</i>		
Chi phí không được khấu trừ	886.705.321	4.313.795.654
Cổ tức từ các công ty liên kết	-	(24.000.000)
Lợi nhuận chịu thuế của doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trong năm	(1.664.295.534)	(3.402.749.896)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính năm hiện hành	64.206.608.954	62.790.771.738
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	16.051.652.239	15.697.692.935
Thuế TNDN phải trả đầu năm	21.214.852.770	14.608.019.181
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	34.356.899	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(21.214.852.770)	(14.843.645.040)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	16.086.009.138	15.462.067.076

25.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	VNĐ			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	31 tháng 03 năm 2012	01 tháng 01 năm 2012	Quý 1 năm 2012	Quý 1 năm 2011
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận của doanh thu chưa thực hiện	956.609.878	1.372.683.762	416.073.884	850.687.474
Dự phòng trợ cấp thôi việc	870.085.096	870.085.096	-	-
	1.826.694.974	2.242.768.858		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh			416.073.884	850.687.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012

vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Hưng Gia	Công ty liên kết	Chi phí xây dựng	38.974.261.850
		Cung cấp DV xây dựng	25.926.095.311
		Cho thuê thiết bị	2.061.207.091
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Uy Nam	Công ty liên kết	Chi phí xây dựng	67.260.248.352
		Cho thuê thiết bị	2.502.895.294

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2012, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VNĐ
Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Hưng Gia	Công ty liên kết	Chi phí xây dựng, chi phí thuê, bảo trì máy móc, thiết bị	122.048.115.348
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Uy Nam	Công ty liên kết	Chi phí thuê, bảo trì máy móc, thiết bị	5.313.358.778
			127.361.474.126

Phải thu khác

Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Gia An	Công ty liên kết	Lãi vay	11.957.879.495
--------------------------------------	------------------	---------	----------------

Phải trả người bán

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Hưng Gia	Công ty liên kết	Chi phí xây dựng và mua vật liệu xây dựng	404.877.893
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Uy Nam	Công ty liên kết	Chi phí xây dựng và mua vật liệu xây dựng	11.224.016.669
			11.628.894.562

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

	<i>Năm nay</i>	<i>VNĐ Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	48.482.116.145	45.355.345.571
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành	31.770.000	30.750.000
Lãi trên mỗi cổ phiếu (Mệnh giá 10.000VNĐ/cổ phiếu)	1.526	1.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012

vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

VNĐ

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối quý		Số đầu năm		Số cuối quý	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	32.818.192.450	(26.022.407.450)	32.818.192.450	(26.215.742.450)	6.795.785.000	6.602.450.000
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	7.616.192.450	(2.522.407.450)	7.616.192.450	(2.715.742.450)	5.093.785.000	4.900.450.000
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	25.202.000.000	(23.500.000.000)	25.202.000.000	(23.500.000.000)	1.702.000.000	1.702.000.000
Phải thu khách hàng	1.061.368.089.613	(29.407.050.753)	1.024.023.032.627	(29.407.050.753)	1.031.961.038.860	994.615.981.874
Phải thu các bên liên quan	139.319.353.621		112.313.121.998	-	139.319.353.621	112.313.121.998
Phải thu khác	6.893.679.240		7.037.581.616	-	6.893.679.240	7.037.581.616
Các khoản tài sản tài chính dài hạn khác	5.045.000.000		5.045.000.000	-	5.045.000.000	5.045.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	797.166.124.520		251.978.411.295	-	797.166.124.520	251.978.411.295
TỔNG CỘNG	2.042.610.439.444	(55.429.458.203)	1.433.215.339.986	(55.622.793.203)	1.987.180.981.241	1.377.592.546.783
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả người bán	223.542.320.574		323.496.707.422	-	223.542.320.574	323.496.707.422
Phải trả cho các bên liên quan	11.628.894.562		38.194.138.386	-	11.628.894.562	38.194.138.386
Các khoản nợ phải trả tài chính ngắn hạn khác	1.024.071.666.122	-	384.064.286.136	-	1.024.071.666.122	384.064.286.136
Các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn khác	3.852.045.021	-	3.777.779.516	-	3.852.045.021	3.777.779.516
TỔNG CỘNG	1.263.094.926.279	-	749.532.911.460	-	1.263.094.926.279	749.532.911.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2012
vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vu Thị Hồng Hạnh

Hà Tiểu Anh



*Tổng Giám Đốc
KTS. Nguyễn Bá Dương*

Vũ Thị Hồng Hạnh

Hà Tiểu Anh

